Áo khoác nữ Kasai v ỏ m ề m

KASSSHLW

Áo khoác m ề m ch ố n g thấm nư ớc , ch ố n g **gió và thoáng khí** v iểu **dáng** vừa vặn nữ **tính mang** đế n khả **năng** vận độ n g tối **đa** ự **do** t

Khả năng [illegible] ế ớ c **áo khoác softshell** linh h oạt **này** đư ợc **làm** bằn g vật l iệu **không** thấm nư ớc , ch ố n g **gió** và **thoáng khí**. Có **túi** t iệ n dụn g, **nắp** trùm **tháo** che **các** thi [illegible] ế ớ t kế **quang** và **thông gió** ở **nách** bằn g **khóa kéo**. Phù h ợp nữ **tính**.

- [illegible] thoáng mát, co giãn
- Thông gió [illegible] có khóa kéo
- Viền phản quang
- Khóa kéo [illegible]
- Vạt bão
- Có mũ trùm có thể điều chỉnh
- 2 túi [illegible] có khóa kéo
- Túi zip bên
- Túi điện thoại bên trong
- Túi bên trong cho bút
- Lớp ngoài MVP thoáng khí 20.000 g/m2/24h
- Vật liệu chống thấm nước

hợp chất	100% polyester, 325g/m
Phạm vi kích thước	EU XS-XL / FR XS-XL

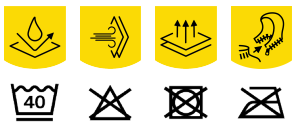

NAV

TBL

SBL

hệ thống **thông gió** [illegible] ế ớ p để giúp bạn **thoát** khỏi nhiệt độ cơ thể dư thừa.

thoáng khí [illegible] ế phẩ t [illegible] ệu t i [illegible] cho **thoát** ra ngoài, giúp bạn **luôn** khô ráo trong các hoạt động thể chấ

Y Mặt **hàng** này có các **năng** [illegible] iển thị **cao** hơn và vẻ **ngoài** hiện đạ

Vật liệu **tái** chế Mặt **hàng** này được **làm** từ vật liệu [illegible] ần **áo làm** từ **tái** chế [illegible] tái chế, bạn ủng hộ các [illegible] và bất [illegible] ảnh hưởng s

Công nghiệp **n:**
Ngành công n ghiệ p , phục vụ ăn uố n g, Xây dựng gần h Hóa họ c , Biên t ập , Thự cực phẩm &g